

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN C Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH TÂY NINH

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-01-2024.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lại;
2. Ông Nguyễn Văn Vân.

Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Nguyên Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 434/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Kim H, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Tổ E, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21-9-2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đoàn Thị Kim H trình bày: Chị và anh T tự nguyện chung sống năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T hay nhậu nhẹt, ít đi làm việc để chăm lo cho cuộc sống gia đình, nhiều lần chị đã khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là Trần Thị Kim T1, sinh ngày 01-6-2002; Trần Thị Kim T2 sinh ngày 22-12-2006. Con chung Trần Thị Kim T1 đã

thành niên nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kim T2, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, chị H vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Trần Quốc T có đơn xin giải quyết vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim H.

Chị Đoàn Thị Kim H được ly hôn với anh Trần Quốc T. Con chung Trần Thị Kim T1, sinh ngày 01-6-2022 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao con chung Trần Thị Kim T2, sinh ngày 22-12-2006 cho chị Đoàn Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đoàn Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với anh Trần Quốc T cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” và Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị H, anh T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện chung sống từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị H trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ khoảng năm 2019 đến nay, nguyên nhân chủ yếu là do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, ít đi làm việc để chăm lo cho cuộc sống gia đình. Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T xin vắng mặt, không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của chị H. Điều này cho thấy anh T không có biểu hiện, động thái tích cực và thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị H hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị H và anh T không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H đối với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Chị H, anh T có 02 con chung: Con chung Trần Thị Kim T1, sinh ngày 01-6-2002 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Thị Kim T2, sinh ngày 22-12-2006. Anh T cũng không có ý kiến về vấn đề con chung. Do vậy cần giao con chung Trần Thị Kim T2 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung; mặt khác anh T không có ý kiến đối với các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Kim H về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với anh Trần Quốc T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Kim H được ly hôn với anh Trần Quốc T.

- Về con chung: Con chung Trần Thị Kim T1, sinh ngày 01-6-2002 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Giao con chung Trần Thị Kim T2, sinh ngày 22-12-2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Trần Thị Kim T2 theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Đoàn Thị Kim H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019106 ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;
- UBND xã An Cơ, H. C;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Liên